

Bản án số 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2025

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành, bà Vũ Thị Lan Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thập – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 5 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35A/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 8/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến C, sinh năm 1978. (có mặt)

Cư trú: Thôn Đ, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1978. (có mặt)

Cư trú: Thôn Bùi Xá, xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

HKTT: Thôn Đồng Ngư, xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.

Anh Nguyễn Tiến C là người thôn Đ, xã N kết hôn với chị Nguyễn Thị Bích N thôn B, xã N vào năm 1995. Thời điểm kết hôn vợ chồng có làm lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ về chung sống cùng nhau.

Theo phía anh C trình bày:

Vợ chồng sau khi về chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc và đã có 02 con chung. Tuy nhiên sau này dần dần trong cuộc sống chung đã có nhiều bất đồng, mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Kể từ đầu năm 2021 do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị B đã bỏ về quê B để sinh sống, vợ chồng từ đó ly thân không còn chung sống với nhau nữa, cũng không qua lại quan tâm gì nhau. Nay anh thấy vợ

chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng tính đến thời điểm hiện nay vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh với chị B là vợ chồng để vợ chồng ly hôn giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh C khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2002. Hiện các con chung đã thành niên và đã có gia đình riêng nên ly hôn anh không có yêu cầu gì về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị B khai xác nhận chị với anh C có chung sống từ năm 1995, trước khi về chung sống vợ chồng có làm lễ cưới theo phong tục địa phương, tuy nhiên không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước vì cả hai không đủ tuổi. Sau này trong thời gian chung sống chị cũng có nói anh C đi làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng phía anh C không đi. Do vậy đến thời điểm hiện nay thì hai vợ chồng vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng sau đó đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Kể từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa, chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Kể từ khi vợ chồng ly thân cũng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay phía anh C có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn phía chị B không đồng ý, ý của chị là để con trai chị đi làm xa về để bàn chuyện như thế nào rồi thì chị mới đồng ý giải quyết theo yêu cầu của anh C.

Về con chung: Chị B khai xác nhận vợ chồng có 02 con chung như phía anh C đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn do các con đã thành niên nên chị cũng không có yêu cầu gì về việc giải quyết nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa phía anh C xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, không thể tiếp tục chung sống. Cũng do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên anh vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng ly hôn, giải quyết không công nhận anh với chị B là vợ chồng. Về con chung và tài sản chung anh C không có yêu cầu gì. Phía chị B cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn hỏi ý kiến của con trai chị xem như thế nào mới quyết định. Về tài sản chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng có tài sản gì chung chị để lại cho con trai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Do vợ chồng chung sống từ năm 1995 đến nay vẫn chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của BTP-TANDTC-VKSNDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử không công nhận anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị B là vợ chồng. Về con chung không xem xét giải quyết do con đã thành niên. Tài sản chung cũng không xem xét giải quyết do anh C, chị B không yêu cầu. Về án phí anh C phải chịu án phí theo quy định.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Tiến C được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị B có nơi thường trú, cư trú tại thị xã T. Do vậy việc Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh C là có căn cứ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị Bích C1 sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, thời điểm khi vợ chồng về chung sống là do tự nguyện, có yêu thương tìm hiểu và có làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của anh C, lời khai của chị B cũng như việc xác minh tại UBND xã N thì xác định được. Khi về chung sống với nhau như vợ chồng, anh C và chị B đã không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Kể từ sau khi chung sống và đến thời điểm hiện nay thì anh C, chị B vẫn chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thấy rằng anh C và chị B kể từ thời điểm năm 1995 đến thời điểm năm 2021 đã chung sống với nhau như vợ chồng, anh C chị B đã tiến hành tổ chức lễ cưới, chung sống có con chung. Việc chung sống như vợ chồng được anh C, chị B, gia đình và chính quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên hai bên vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Nay anh C có yêu cầu giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Q, xử không công nhận anh C và chị B là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến M, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2022. Hiện các con chung đã thành niên nên khi giải quyết ly hôn Tòa án không xem xét việc giao nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do anh C, chị B không có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 9, 51, 53, 56, Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 35/2000 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của BTP-TANDTC-VKSNDTC. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Tiến C và chị Nguyễn Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do anh C, chị B không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh C đã nộp theo biên lai thu số 0001559 ngày 4/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Chánh, chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thị xã Thuận Thành.
- Chi cục THADS thị xã Thuận Thành.
- UBND xã Ngũ Thái, tx Thuận Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây

